| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 184/2022/QĐST-DS | *Gò Công Tây, ngày 28 tháng 6 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 331/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Võ Thị Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Võ Thị Đ: Luật sư Trần Thị Kim P, Văn phòng luật sư V – Chi nhánh G, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Văn Côn, khu phố 2, Phường 2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Võ Văn Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp P xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Q: Cao Hoàng Ơ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 801 ấp 1, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1958.

3. Võ Thanh N1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Thành V, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Q và bà Võ Thị T thống nhất di sản của ông Võ Văn H1 để lại gồm:

+ Diện tích 283,8m$^2$, (trong đó loại đất ở 100m$^2$ và cây lâu năm 183,8m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Diện tích 3.534,0m$^2$ đất lúa (đo đạc thực tế là 3,488,1m$^2$), thửa 97, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01576 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

- Bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Q và bà Võ Thị T thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Công nhận cho ông Võ Văn Q phần đất diện tích 395,6m$^2$, (trong đó loại đất ở 100m$^2$ và cây lâu năm 295,6m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho bà Võ Thị Đ phần đất diện tích 70,95m$^2$, (trong đó loại đất ở 25m$^2$ và cây lâu năm 45,95m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho bà Võ Thị T phần đất diện tích 70,95m$^2$, (trong đó loại đất ở 25m$^2$ và cây lâu năm 45,95m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Ghi nhận việc bà Võ Thị T tặng cho ông Võ Văn Q phần đất diện tích 70,95m$^2$, (trong đó loại đất ở 25m$^2$ và cây lâu năm 45,95m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho ông Võ Văn Q phần đất diện tích 141,9m$^2$, (trong đó loại đất ở 50m$^2$ và cây lâu năm 91,9m$^2$) trong diện tích 735,2m$^2$ (đo đạc thực tế là 679,4m$^2$), thửa 354, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01575 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho bà Võ Thị Đ phần đất diện tích 500m$^2$ đất lúa trong diện tích 3.534,0m$^2$ (đo đạc thực tế là 3,488,1m$^2$), thửa 97, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01576 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho bà Võ Thị T phần đất diện tích 872m$^2$ đất lúa trong diện tích 3.534,0m$^2$ (đo đạc thực tế là 3,488,1m$^2$), thửa 97, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01576 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Ghi nhận việc bà Võ Thị T tặng lại cho ông Võ Văn Q phần đất diện tích 872m$^2$ đất lúa trong diện tích 3.534,0m$^2$ (đo đạc thực tế là 3,488,1m$^2$), thửa 97, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01576 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

+ Chia cho ông Võ Văn Q phần đất diện tích 2.116,10m$^2$ đất lúa trong diện tích 3.534,0m$^2$ (đo đạc thực tế là 3,488,1m$^2$), thửa 97, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01576 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2011 cho ông Vỏ Văn H1.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Võ Thanh N, chị Nguyễn Thị Ngọc L thống nhất không tranh cấp đối với tài sản trên đất.

- Ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ giao cho bà Đ 500m$^2$ đất lúa khi quyết định có hiệu lực pháp luật và giao diện tích 70,95m$^2$ đất ở và cây lâu năm (trong đó loại đất ở 25m$^2$ và cây lâu năm 45,95m$^2$) vào ngày 20/12/2023.

- Bà Võ Thị Đ và ông Võ Văn Q được Q liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định bao gồm cả phần điện tích đất được bà Võ Thị T tặng lại. Thực hiện khi quyết định có hiệu

lực pháp luật.

- Về án phí: Bà Võ Thị Đ và ông Võ Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Ông Võ Văn Q phải chịu 7.907.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế bà T tặng cho ông Q; được trừ vào 2.543.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017298 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông Q phải nộp tiếp 5.364.500 đồng.

Hoàn lại bà Võ Thị T 6.840.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017299 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- CC THA DS huyện G;
- Tòa án ND tỉnh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Võ Thị Xuân**